TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HSST
Ngày 11-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khoe

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 335/2023/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Xuân T, sinh ngày 15-7-1985 tại thành phố Hải Phòng; giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số D T, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi ở: Số H T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân S và bà Phạm Thị T1; Tiền án, tiền sự: không; Biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 83/LC-Đ2 ngày 16-08-2023 (bị cáo tại ngoại - có mặt).

Người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan: Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Số D Đường C, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người làm chứng: Phùng Nhật T2, sinh năm 1991 – Địa chỉ: Số A B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03-12-2022, Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị Hoài L thỏa thuận vay tiền, T cho chị L vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất là 0.5%/ngày, cứ 15 ngày chị L đóng lãi cho T. Sau khi thống nhất, T nhắn tin qua zalo cho chị L thể hiện nội dung như trên; đồng thời chuyển số tiền 150 triệu đồng từ tài khoản 0081000478686 của T mở tại ngân hàng V đến tài khoản 0081001259267 của chị L mở tại Ngân hàng V.

Từ ngày 21-12-2022 đến ngày 15-03-2023, chị L đã 08 lần chuyển khoản tiền lãi cho T với tổng số tiền 74.250.000 đồng, tương ứng với 103 ngày vay (150.000.000 đồng x lãi suất 0.5%/ngày = 750.000 đồng x 103 ngày = 77.250.000 đồng). Nhưng do không còn khả năng nên T đồng ý giảm mức lãi cho chị L như nêu trên.

Đến ngày 15-03-2023, chị L vẫn nợ T tổng số tiền gốc 150 triệu đồng. Tuy nhiên, do không còn khả năng đóng lãi cho T nên chị L xin không tiếp tục đóng lãi và sẽ trả dần tiền gốc. Từ tháng 04-2023 đến tháng 05-2023, chị L đã trả cho T 72 triệu tiền nợ gốc, còn nợ lại 78 triệu đồng nợ gốc.

Vào tháng 6 và tháng 7-2023, chị L tiếp tục hỏi mượn tiền của T, T đồng ý cho chị L mượn tiền hai lần, một lần 18.400.000 đồng, một lần 9.000.000 đồng; T không tính lãi suất của hai lần vay này. Hiện chị L đã trả cho T toàn bộ hai khoản tiền vay này.

Căn cứ lời khai của Phạm Xuân T, chị Nguyễn Thị Hoài L; tài liệu về sao kê tài khoản ngân hàng; tin nhắn zalo giữa T và chị L thể hiện: Trong tháng 12-2022, Phạm Xuân T đã cho chị Nguyễn Thị Hoài L vay 150 triệu, trả lãi 103 ngày với tổng tiền lãi là 74.250.000 đồng.

Như vậy, tiền lãi mỗi ngày chị L phải đóng cho T là 74.250.000 đồng/103 ngày = 720.000 đồng; Lãi suất mỗi ngày mà T cho chị L vay là 720.000 đồng/nợ gốc 150.000.000 đồng = 0.48%.

Trong đó lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (20 %/365 ngày = 0,054795 %/ngày). T đã cho chị L vay với mức lãi suất cao gấp 8,76 lần so với quy định của Nhà nước (0.48 %/0.054795% = 8,76 lần).

Số tiền lãi mỗi ngày T được hưởng theo quy định pháp luật là: Tiền cho vay 150.000.000 đồng x 20%/365 ngày = 82.192 đồng/ngày.

Số tiền lãi mà T được hưởng theo quy định khi cho chị L vay là: Số ngày vay là 103 ngày x tiền lãi mỗi ngày được hưởng theo quy định là 82.192 đồng = 8.465.776 đồng.

Số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho chị L vay và tính lãi trong 103 ngày là: 74.250.000 đồng – 8.465.776 đồng = 65.784.224 đồng.

Thu giữ của T gồm: 01 điện thoại hiệu Iphone 6S, màu vàng.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Bản cáo trạng số 313/CT-VKSTPVT ngày 20-10-2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Phạm Xuân T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo hình phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền gốc bị cáo sử dụng cho vay 150.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và tiền lãi 8.465.776 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố V và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo xác định vào ngày 03-12-2022, trên địa bàn thành phố V; bị cáo đã cho chị Nguyễn Thị Hoài L vay số tiền gốc 150.000.000 đồng với mức lãi suất 49.44%/103 ngày tương đương 0.48%/ ngày, cao gấp 8,76 lần lãi suất cao nhất 0,05479%/ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bị cáo đã thu tiền lãi của chị L tổng số tiền 74.250.000 đồng, trong đó phần tiền lãi suất được hưởng theo quy định pháp luật là 8.465.776 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 65.784.224 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người liên quan trong vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét bị cáo đã thỏa thuận thực hiện giao dịch dân sự với người vay, nhưng cho vay với mức lãi suất gấp 8,76 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 65.784.224 đồng. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại khoản tiền lãi cho chị Nguyễn Thị Hoài L, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người liên quan chị Nguyễn Thị Hoài L xác định bị cáo đã trả lại cho chị số tiền 65.700.000 đồng, chị L không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo; bị cáo cũng không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với chị Nguyễn Thị Hoài L; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Khoản tiền gốc bị cáo sử dụng cho vay 150.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, khoản tiền lãi 8.465.776 đồng cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm; nên các khoản tiền này bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng, số Imei 3556920785879; bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 50 Bộ luật hình sự; Xử phạt Phạm Xuân T hình phạt tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; buộc Phạm Xuân T phải nộp số tiền 158.465.776 đồng (một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng, số Imei 3556920785879.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 41/BB-CCTHADS ngày 08-11-2023.

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. V;
- Công an TP. V;
- Thi hành án dân sự TP.V;
- Nhà tạm giữ Công an TP.V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.